

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/11/2018

«V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con»

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắm;

2. Ông Bùi Văn Khởi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/10/2018, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu T, phường A, thành phố D, tỉnh Hải Dương.

2- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1979 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3- *Người làm chứng:* Ông Phạm Văn R, sinh năm 1946 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa Chị Phạm Thị H trình bày như sau: Chị H và anh Phạm Văn V đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện. Năm 2014, chị H đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, vợ chồng thường xuyên liên lạc. Sau đó, anh V không cho chị H liên lạc, nói chuyện với con. Dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Mặt khác, chị H cho rằng anh V có biểu hiện quan hệ nam, nữ không lành mạnh với người khác. Tháng 3 năm 2016, con lớn của anh chị chết, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Hai bên không còn

liên lạc với nhau. Tháng 6 năm 2017, chị H về nước nhưng từ đó đến nay, vợ chồng không sống chung, không ai quan tâm đến ai mà không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ giữa hai người. Xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, nên chị H khởi kiện xin ly hôn anh V.

- Theo Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn trình bày như sau: Việc đăng ký kết hôn và quá trình sống của vợ chồng từ khi đăng ký kết hôn cho đến thời điểm hiện nay như chị H trình bày là đúng sự thật. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Quan điểm của anh V nhất trí thuận tình ly hôn, để mỗi người có điều kiện tạo dựng cuộc sống mới.

- Về con chung: Chị H và anh V đều thống nhất xác định trong thời gian chung sống với nhau có 01 con chung là Phạm Hoàng A, sinh ngày 20/12/2009. Sau khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho anh V nuôi dưỡng. Anh V yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con 01 lần = 200.000.000đ. Chị không nhất trí mà chỉ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000đ/1 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không đề nghị giải quyết.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn nhất trí ly hôn và đề nghị nguyên đơn phải có trách nhiệm cấp dưỡng một lần = 200.000.000đ.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 BLDS; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn V; Về con chung: Giao cháu Phạm Hoàng Anh, sinh ngày 20/12/2009 cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị H có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000đ/tháng; Về án phí, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh V có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện TH, tỉnh Hải Dương năm 2007 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp

pháp.

Xem xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H và quan điểm của anh V, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai bên không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau. Mặt khác, chị H có thời gian dài đi làm ăn xa, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị phai nhạt. Sau khi chị H về nước, hai bên không sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai, mà không có biện pháp nào cải thiện tình trạng quan hệ hôn nhân giữa hai người. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định: Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên hòa giải hai bên đương sự đều thống nhất thuận tình ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh V.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị H, anh V có 01 con chung là cháu Phạm Hoàng Anh, sinh ngày 20/12/2009. Sau khi ly hôn, hai bên thống nhất giao con chung cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của đương sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của hai bên, phù hợp với nguyện vọng của con chung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Hiện nay, các bên còn tranh chấp nhau về mức cấp dưỡng nuôi con chung, cụ thể: Anh V yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con một lần là 200.000.000đ; trong khi chị H chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng: Yêu cầu của anh V không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với việc chị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000đ/tháng là phù hợp, nên cần được chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2018 đến khi con chung thành niên là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Phạm Thị H khởi kiện vụ án ly hôn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 BLDS; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phạm Văn V.

2- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Phạm Hoàng Anh, sinh ngày 20/12/2009 cho anh Phạm Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chị Phạm Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12/2018. Chị Phạm Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả được thực hiện theo khoản 2 Điều 257 Bộ luật Dân sự.

3- Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000150 ngày 06/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà.

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Đỗ Trường Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trường Giang